

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 476/2026/DS-PT
Ngày 14 – 7 – 2026
V/v tranh chấp đòi tài sản là quyền sử
dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lập

Các Thẩm phán: Ông Bùi Anh Tuấn

Ông Đặng Minh Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Như Nguyễn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Quyền – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09 và 14 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 268/2026/TLPT-DS ngày 26 tháng 5 năm 2026 về việc tranh chấp: Đòi tài sản là quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 89/2026/DS-ST ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1- Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 408/2026/QĐ-PT ngày 09 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thanh V, sinh năm 1960 (Có mặt);

Căn cước công dân số: 096160003873 do Cục Cảnh sát quản lý Hành chính về Trật tự xã hội cấp ngày 10/8/2021;

Địa chỉ cư trú: Khóm B, phường L, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Bà Lê Thị M, sinh năm 1979 (Có mặt);

Căn cước công dân số: 096179007486 do Cục Cảnh sát quản lý Hành chính về Trật tự xã hội cấp ngày 01/4/2022;

Địa chỉ cư trú: Khóm B, phường L, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Tào Văn B, sinh năm 1968 (Có mặt);

2. Ông Bùi Thanh P, sinh năm 1960 (Có mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Khóm B, phường L, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Bà Lê Thị M, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo bà Lê Thanh V trình bày:*

Cha, mẹ bà là ông Lê Phong T và bà Tạ Thị M1, có tạo lập phần đất vườn và đất ruộng, tại ấp B, xã L, thành phố C (nay là khóm B, phường L, tỉnh Cà Mau), diện tích 17.290m², được Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố C cấp ngày 20/09/1998. Đến năm 2010 cha, mẹ cho bà chiều ngang 14m, dài 72m, diện tích 1.008,0m², loại đất trồng cây lâu năm, được UBND thành phố C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (QSDĐ) số BB 537534 ngày 7/5/2010 đứng tên bà Lê Thanh V. Năm 2007, bà đã xây cất nhà trên đất, đến năm 2018 xây hàng rào chiều ngang tiền 10,3m, hậu 10m, chiều dài 60m còn phần địa, ao. Năm 2016, bà Lê Thị M cất nhà lấn qua phần đất của bà (ngang 3m, chiều dài khoảng 30m) khi xây cất nhà bà không có ý kiến việc lấn đất do không thuận thảo với nhau. Nay bà V khởi kiện yêu cầu bà M trả lại phần đất theo đo đạc bản vẽ hiện trạng, diện tích 181,6 m² (chiều ngang: cạnh 3,77m và cạnh 3,80m; chiều dài: cạnh 49,08m và cạnh 50,30m), buộc bà M di dời nhà, tài sản trên đất để trả lại đất cho bà V..

- *Theo bà Lê Thị M trình bày:*

Bà thừa nhận phần đất có nguồn gốc của cha, mẹ để lại. Năm 2010 cha, mẹ bà cho bà V chiều ngang 10m, dài 72m, do phần đất không đủ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên mượn phần đất của bà M để bà V được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bà M cho bà V mượn ngang 04m, chiều dài 72m). Năm 2011, khi cha bà còn sống có chia đất cho bà nhận chiều ngang 08m, chiều dài 52m, khi cho chỉ nói miệng, đến năm 2011 bà xây cất nhà chiều ngang 6,5m, chiều dài 15m, thời gian này cha bà còn sống. Năm 2010 cha bà để lại di chúc đến năm 2023, ông Lê Quang T1 có yêu cầu chia thừa kế theo di chúc. Bà được nhận di sản theo di chúc. Hiện tại bà đã cất nhà và đang sinh sống trên phần đất tại khóm B, phường L, thuộc thửa 1277, tờ bản đồ số 18, kích thước ngang 3m, chiều dài 30m và phần đất này cũng thuộc vụ án thụ lý số: 229/2022/TLST- DS ngày 18/5/2022 về tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và chia thừa kế, nguyên đơn là ông Lê Quang T1 với bị đơn là ông Lê Văn T2; Vụ án đã được đưa ra xét xử và quyết định theo bản án số: 148/2023/DS-ST ngày 07/7/2023. Trong vụ án, bà cùng bà Lê Thanh V và các anh chị em ruột khác được xét xử chia thừa kế từ diện tích đất của cha mẹ để lại. Theo di chúc năm 2010, bà được hưởng phần đất vườn chiều ngang 6m, chiều dài 45m (diện tích 270m²). Tại phiên tòa, bà có yêu cầu được nhận phần đất theo đo đạc ngày 19/5/2023, thuộc thửa số 9 và thửa số 14. Tuy nhiên, phần đất thửa số 14 diện tích 155,3m² lại thuộc quyền sử dụng đất của bà Lê Thanh V, do thửa đất này nằm trong diện tích 1.008m², tại phiên tòa xét xử vụ án bà V đã có ý kiến “đồng ý cho bà M ở đến khi nào bà M đi nơi khác thì tháo dỡ nhà trả lại đất cho bà V”.

Do đó, bà xét thấy việc bà V khởi kiện buộc bà di dời nhà và tài sản trả lại hiện trạng đất vào thời điểm này là hoàn toàn không hợp lý. Yêu cầu Tòa án xem xét không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thanh V. Đồng thời, bà M có yêu cầu phản tố, yêu cầu công nhận phần đất thửa số 14 có chiều ngang 3m, chiều dài 52m là của bà

M, yêu cầu điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà V, vì đây là phần đất do cha mẹ bà để lại thừa kế cho bà.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 89/2026/DS-ST ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cà Mau quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thanh V.

Buộc bà Lê Thị M và ông Tào Văn B trả lại cho bà Lê Thanh V, ông Bùi Thanh P phần đất có diện tích 145,90m² (diện tích 181,6m² vị trí M7, M9, M3, M6 – 35,7 m² (một phần căn nhà của bà M cạnh ngang mặt tiền 2,25m cạnh ngang mặt hậu 2,68m, dài 14,50m); loại đất trồng cây lâu năm; thuộc thửa đất số 190 và một phần thửa đất 180, tờ bản đồ số 22 chỉnh lý năm 2009, phần đất tọa lạc khóm B, phường L, tỉnh Cà Mau.

Tứ cận giáp: Phía Đông giáp với đất Lê Quang T1, Phía Tây giáp bà V; Phía Nam giáp phần đất Lộ Bê Tông; Phía Bắc giáp đất Lê Quang T1.

Diện tích 35.7m² (cạnh ngang mặt tiền 2,25m cạnh ngang mặt hậu 2,68m, dài 14,50m) bà Lê Thị M, ông Tào Văn B được toàn quyền sử dụng và định đoạt.

(Kèm theo trích đo hiện trạng ngày 19 tháng 01 năm 2026 của Công ty TNHH MTV T4).

Buộc bà Lê Thị M, ông Tào Văn B hoàn lại giá trị diện tích 35,7m² cho bà Lê Thanh V và ông Bùi Thanh P bằng 80.824.800 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thanh V và Lê Thị M, bà Lê Thanh V trả cho bà Lê Thị M số tiền 2.460.000 đồng (Cây trên đất). Bà Lê Thanh V, ông Bùi Thanh P toàn quyền sử dụng, định đoạt cây trồng trên đất.

Các đương sự có quyền liên hệ cơ quan cấp giấy để điều chỉnh, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Lê Thanh V, bà Lê Thị M theo quy định của pháp luật.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc công nhận phần đất thửa số 14, có chiều ngang 3m, chiều dài 52m, diện tích sau khi đo đạc bằng 181,6m². Yêu cầu điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà V.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 29/4/2026, bà Lê Thị M có đơn kháng cáo, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm: Không chấp nhận chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thanh V; chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Lê Thị M.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Lê Thị M giữ nguyên kháng cáo.

Phản tranh luận tại phiên tòa:

Bà M phát biểu: Phần đất tranh chấp là của cha mẹ bà cho chứ không phải là của bà V, nên bà không đồng ý trả đất theo yêu cầu của bà V. Do đó, yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà, sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V, chấp nhận yêu cầu phản tố của bà.

Bà V phát biểu: Không đồng ý kháng cáo của bà M, yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ông B phát biểu: Thống nhất với ý kiến tranh luận của bà M, không có ý kiến tranh luận thêm.

Ông P phát biểu: Thống nhất với ý kiến của bà V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của bà Lê Thị M, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Theo đo đạc thực tế, phần đất tranh chấp có diện tích là 181,6m², loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại khóm B, phường L, tỉnh Cà Mau. Trong đó, phần diện tích bà M xây cất nhà ở là 35,7m²; phần còn lại diện tích 145,9m² là đất trồng, ao, đĩa, trên đất có cây ăn trái do bà M trồng và một số cây tạp. Bà Lê Thanh V cho rằng phần đất tranh chấp diện tích 181,6m² nêu trên là của bà V, nằm trong diện tích đất bà V được cha mẹ là ông Lê Phong T và bà Tạ Thị Mỹ T3 cho, bà V đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 07/5/2010, diện tích 1.008,0m², do bà M sử dụng lấn qua phần đất của bà V. Bà M cho rằng phần đất tranh chấp diện tích 181,6m² nêu trên là của bà M được cha mẹ tặng cho; do phần đất của bà V được cha mẹ tặng cho (ngang 10m, dài 72m) không đủ diện tích để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên mượn phần đất của bà M để đủ diện tích được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, bà V không thừa nhận lời trình bày của bà M; bà M không cũng cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh phần diện tích đất tranh chấp 181,6m² nêu trên bà M được cha mẹ tặng cho cũng như việc cho bà V mượn để đủ diện tích cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như bà M trình bày.

[2] Qua xem xét các tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ, xét thấy:

[2.1] Tại hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà V được ông Lê Phong T tặng cho theo hợp đồng ngày 26/01/2010, được công chứng tại Phòng Công chứng số 01 tỉnh Cà Mau, ông T có ký tên xác nhận vào hợp đồng tặng cho, đơn đăng ký biến động, tờ khai thuế thu nhập cá nhân vào ngày 26/01/2010, bản mô tả mặt bằng hiện trạng ngày 21/01/2016 (chiều ngang 14m, chiều dài 72m), bà V đã được UBND thành phố C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 07/05/2010, diện tích 1.008,0m² (đất trồng cây lâu năm khác), thuộc thửa số 1277, tờ bản đồ số 18, xã L, tỉnh Cà Mau (nay phường L, tỉnh Cà Mau).

[2.2] Tại biên bản hòa giải tranh chấp đất đai ngày 14/10/2025 của Ủy ban phường L giữa bà V với bà M thể hiện: Bà M thừa nhận phần đất bà đang cất nhà ở là của bà V, bà V có ý kiến tại phiên tòa phúc thẩm (vụ án tranh chấp chia thừa kế giữa ông Lê Quang T1 với ông Lê Văn T2) cho bà ở đến khi nào bà đi nơi khác thì

tháo dỡ trả lại cho bà V, nhưng hiện nay bà chưa đi nên chưa trả, nếu hiện nay kêu bà tháo dỡ bà không đồng ý.

[2.3] Tại bản án dân sự phúc thẩm số 347/2023/DS-PT ngày 21/09/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau về việc tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Lê Quang T1 với ông Lê Văn T2 đã xét xử, chấp nhận một phần yêu cầu của bà Lê Thị M được chia một phần đất trồng cây lâu năm có diện tích 315,1m², diện tích chênh lệch bà M không được chấp nhận 155,3m². Bà M cũng trình bày việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà V diện tích 1008,0 m² thì bà M không có ý kiến phản đối.

[2.4] Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà V được cấp diện tích là 1.008,0m² (chiều ngang 14m, chiều dài 72m). Qua đo đạc thực tế, phần đất bà V đang sử dụng không có tranh chấp diện tích là 829,1m², nếu cộng thêm với diện tích phần đất tranh chấp 181,6 m² thì tổng diện tích là 1.010,7m² (chiều ngang 14 m; chiều dài: cạnh 72,24m và 71,02m), là tương đối phù hợp với diện tích, kích thước phần đất của bà V được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[2.5] Đồng thời, cũng tại biên bản phiên toà sơ thẩm ngày 14/4/2026, bà M và ông B trình bày thống nhất trả cho bà V phần đất phía sau (là phần đất trồng, ao, địa diện tích 145,9m²), còn lại phần đất đã xây cất nhà (diện tích 35,7m²) không đồng ý trả cho bà V.

[2.6] Như vậy, có cơ sở xác định phần đất tranh chấp diện tích theo đo đạc 181,6m² nêu trên là của bà V đã được cha, mẹ cho. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V, buộc bà M và ông B trả lại phần tranh chấp đất diện tích 181,6m² (trong đó: trả bằng diện tích đất 145,9m², trả bằng giá trị diện tích 35,7m² theo chứng thư thẩm định giá bằng 80.824.800 đồng), là có căn cứ.

[3] Đối với phần cây trồng trên đất, giữa bà V với bà M thống nhất thoả thuận bà V trả cho bà M phần giá trị cây trồng trên đất theo chứng thư thẩm định giá bằng 2.460.000 đồng, Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận sự thoả thuận là phù hợp.

[4] Đối với yêu cầu phản tố của bà M về việc yêu cầu công nhận phần đất tranh chấp là của bà M và điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà V, xét thấy: Như đã nhận trên, có cơ sở xác định phần đất tranh chấp là của bà V, buộc bà M và ông B trả lại phần đất tranh chấp cho bà V nên yêu cầu phản tố của bà M là không có cơ sở để chấp nhận.

[5] Từ nhận định trên, cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo bà M, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp. Tuy nhiên, cấp phúc thẩm có điều chỉnh lại cách tuyên đối với phần quyết định của bản án sơ thẩm.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà M phải chịu 300.000 đồng, bà M đã dự nộp 300.000 đồng được đối trừ chuyển thu án phí.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo bà Lê Thị M.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 89/2026/DS-ST ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1- Cà Mau.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thanh V.

Buộc bà Lê Thị M và ông Tào Văn B trả lại cho bà Lê Thanh V, ông Bùi Thanh P phần đất tranh chấp theo đo đạc diện tích $181,6\text{m}^2$ theo vị trí, ranh giới được xác định theo các điểm M7, M9, M3, M6 tại Bản vẽ hiện trạng ngày 19/01/2026 của Công ty TNHH MTV T4: Phía Đông giáp phần đất của bà Lê Thị M đang sử dụng; phía Tây giáp phần đất còn lại của bà Lê Thanh V; phía Nam giáp lộ bê tông; phía Bắc giáp phần đất còn lại của bà Lê Thanh V; đất tọa lạc tại khóm B, phường L, tỉnh Cà Mau. Trong đó: Phần diện tích buộc bà M và ông B phải trả cho bà V và ông P bằng diện tích đất là $145,90\text{m}^2$ ($181,6\text{m}^2 - 35,7\text{m}^2 = 145,90\text{m}^2$); phần diện tích buộc bà M và ông B trả cho bà V và ông P bằng giá trị đất diện tích $35,7\text{m}^2$ (phần diện tích bà M đã xây cất nhà) với số tiền bằng 80.824.800 đồng.

Bà Lê Thị M và ông Tào Văn B được tiếp tục quản lý sử dụng đối với phần đất tranh chấp đã xây cất nhà theo đo đạc diện tích $35,7\text{m}^2$ (cạnh ngang mặt tiền 2,25m; cạnh ngang mặt hậu 2,68m; dài 14,50m).

(Kèm theo trích đo hiện trạng ngày 19 tháng 01 năm 2026 của Công ty TNHH MTV T4).

- Ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận của bà Lê Thanh V và Lê Thị M. Bà Lê Thanh V trả cho bà Lê Thị M giá trị cây trồng trên đất số tiền 2.460.000 đồng. Bà Lê Thanh V, ông Bùi Thanh P được quyền quản lý sử dụng đối với các cây trồng trên phần đất.

Các đương sự có quyền liên hệ cơ quan cấp giấy để điều chỉnh, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Lê Thanh V, bà Lê Thị M theo quy định của pháp luật.

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Lê Thị M về việc yêu cầu công nhận phần đất tranh chấp theo đo đạc thực tế diện tích $181,6\text{m}^2$ thuộc quyền quản lý sử dụng của bà M và yêu cầu điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà V đứng tên.

- Về chi phí tố tụng: Buộc bà Lê Thị M, ông Tào Văn B phải hoàn lại chi phí đo đạc 10.667.000 đồng, chi phí định giá 10.476.000 đồng cho bà Lê Thanh V, ông Bùi Thanh P.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải

chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị M, ông Tào Văn B phải chịu án phí không giá ngạch 300.000 đồng và án phí có giá ngạch 4.041.000 đồng. Ngày 14/11/2025, bà M đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004589 được đối trừ chuyển thu án phí; còn lại bà Lê Thị M, ông Tào Văn B phải nộp tiếp số tiền 4.041.000 đồng.

Bà Lê Thanh V, ông Bùi Thanh P không phải chịu án phí, đã được miễn dự nộp.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị M phải chịu 300.000 đồng. Ngày 29/4/2026, bà M đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005302 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được đối trừ chuyển thu án phí.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân khu vực 1- Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 1- Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Lập